

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM<sup>(1)</sup>**  
(Ngày 13 tháng 12 năm 2024)<sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LƯƠNG THỊ TUẤN ANH**; Ngày tháng năm sinh: **10/5/1980**
  - Chức vụ/chức danh công tác: **Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng**
  - Cơ quan/đơn vị công tác: **Trường mầm non Bồ Đề, quận Long Biên**
  - Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **001180023421**
- Ngày cấp: **10/5/2021** Nơi cấp: **Công an thành phố Hà Nội**

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM BÁ BẮC** Ngày tháng năm sinh: **10/9/1973**
  - Nghề nghiệp: **Làm việc tự do**
  - Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
  - Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
  - Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: **011894036**
- Ngày cấp: **22/11/2008** Nơi cấp: **Công an thành phố Hà Nội**

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Phạm Anh Quân** Ngày tháng năm sinh: **24/10/2008**
- Nơi thường trú: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Số định danh cá nhân<sup>(3)</sup>: **001208060210**

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**
- Diện tích: **176 m<sup>2</sup>**
- Giá trị<sup>(10)</sup>: **4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: **Số AD 854386, ngày cấp 28/12/2006; Nơi cấp: UBND huyện Gia Lâm; Người đứng tên: Phạm Bá Bắc và Lương Thị Tuấn Anh**

- Thông tin khác (nếu có): **Được tặng, hiện đang ở**

1.1.2. Thửa đất thứ hai:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Thôn Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh**

- Diện tích<sup>(9)</sup>: **227m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **1.500.000.000đ (Một tỷ năm trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: **Số BE 898604, ngày cấp 03/8/2011; Nơi cấp: UBND huyện Quế Võ; Người đứng tên: Phạm Bá Bắc và Lương Thị Tuấn Anh**

- Thông tin khác (nếu có): **Tự mua**

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: **Không**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**

- Loại nhà: **Nhà ở riêng lẻ**

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: **100 m<sup>2</sup> (50m<sup>2</sup> x 2 tầng)**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số AD 854386, ngày cấp 28/12/2006; Nơi cấp: UBND huyện Gia Lâm**

**Người đứng tên: Phạm Bá Bắc và Lương Thị Tuấn Anh**

- Thông tin khác (nếu có): **Được tặng, hiện đang ở**

2.1.2. Nhà thứ hai:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: **Số 190, Phố Sài Đồng, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.**

- Loại nhà: **Căn hộ**

- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: **92 m<sup>2</sup>**

- Giá trị<sup>(10)</sup>: **2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng chẵn)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số DA 990828, ngày cấp 01/4/2021; Nơi cấp: Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội**

**Người đứng tên: Phạm Bá Bắc và Lương Thị Tuấn Anh**

- Thông tin khác (nếu có): **Không**

2.2. Công trình xây dựng khác <sup>(16)</sup>:

## 2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: **Bể bơi** Địa chỉ: **Thôn Vàng 1, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội**

- Loại công trình: **Công trình dân dụng** Cấp công trình: **Cấp 4**

- Diện tích: **100 m<sup>2</sup>**

- Giá trị: **600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Số AD 854386, ngày cấp 28/12/2006; Nơi cấp: UBND huyện Gia Lâm**

**Người đứng tên: Phạm Bá Bắc và Lương Thị Tuấn Anh**

- Thông tin khác (nếu có): **Cho thuê**

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>:

3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: **Không**

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: **Không**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: **Không**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: **Không**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không**

6.1. Cổ phiếu: **Không**

6.2. Trái phiếu: **Không**

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>: **Không**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>: **Không**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ **50 triệu đồng** trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản: **Ô tô Honda CRV; Số đăng ký: 29A-003.56, mua năm 2019; Tên đăng ký: Bùi Anh Tuấn**

**Giá trị 300.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), mua năm 2019.**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác<sup>(25)</sup>): **Không**

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: **Không**

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: **Không**

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: **670.000.000đ**

- Tổng thu nhập của người kê khai: **200.000.000đ/năm**

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): **470.000.000đ/năm**

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: **Không**

- Tổng các khoản thu nhập chung: **Không**

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup> : Không có biến động**

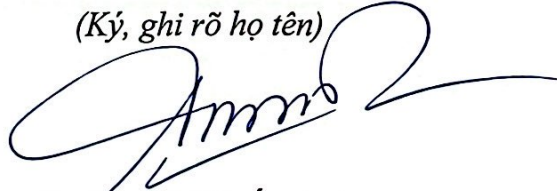
Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			

<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>670.000.000đ</p>	<p>Tổng thu nhập của người kê khai: 200.000.000đ/năm</p> <p>- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 470.000.000đ/năm</p> <p>- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: <i>Không</i></p> <p>- Tổng các khoản thu nhập chung: <i>Không</i></p>
---	--	---------------------	---

Long Biên, ngày 12 tháng 1 năm 2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

  
**Nông Thị Kim Quy**  
 CHUYÊN VIÊN PHÒNG NỘI VỤ QUẬN LONG BIÊN

Long Biên, ngày 13 tháng 12 năm 2024  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

  
**Lương Thị Tuấn Anh**